

# PART 4: CÂU HỎI VỀ DANH TÍNH, ĐỊA ĐIỂM



# 1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi về danh tính, địa điểm, cụ thể là câu hỏi về danh tính người nói/ người nghe và về địa điểm của bài nói.

- Câu hỏi về danh tính, địa điểm, cụ thể là câu hỏi về **danh tính người nói/ người nghe** và về **địa điểm của bài nói**.
- Câu hỏi về danh tính, địa điểm Part 4 thường có dạng:
  - Who most likely are the listeners?
  - Who most likely is the speaker?
  - Where do the listeners most likely work?
  - Where most likely does the speaker work?
  - Where is the speech being given?

- Câu hỏi về danh tính, địa điểm, cụ thể là câu hỏi về **danh tính người nói/ người nghe** và về **địa điểm của bài nói**.
- Câu hỏi về danh tính, địa điểm Part 4 thường có dạng::
  - Who most likely are the listeners?
  - Who most likely is the speaker?
  - Where do the listeners most likely work?
  - Where most likely does the speaker work?
  - Where is the speech being given?
- Vị trí thông tin: câu hỏi về danh tính, địa điểm thường là câu đầu tiên hoặc thứ 2 nên thông tin đáp án sẽ nằm ở **phần đầu** hoặc **giữa** đoạn băng, khi người nói **giới thiệu về chủ đề, mục đích** hoặc **chào mừng**.

## **2. CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ**

## 2.1. Câu hỏi về danh tính

- Câu hỏi về nghề nghiệp:

### **Q77: Who most likely is the speaker?**

Người nói rất có thể là ai?

**(A) A scholar.**

Học giả.

**(B) A producer.**

Nhà sản xuất.

**(C) A pilot.**

Phi công.

**(D) A programmer.**

Lập trình viên

### **Q78: Who are the listeners?**

Người nghe là những ai?

**(A) Potential investors.**

Nhà đầu tư tiềm năng.

**(B) Actors.**

Diễn viên.

**(C) Housewives.**

Bà nội trợ

**(D) University students.**

Sinh viên đại học.

- Đọc câu hỏi:

**Q77: Who most likely is the **speaker**?**

Người nói rất có thể là ai?

**(A) A scholar.**

Học giả.

**(B) A producer.**

Nhà sản xuất.

**(C) A pilot.**

Phi công.

**(D) A programmer.**

Lập trình viên

⇒ 2 câu hỏi về danh tính

⇒ Thông tin ở phần đầu và giữa bài

**Q78: Who are the **listeners**?**

Người nghe là những ai?

**(A) Potential investors.**

Nhà đầu tư tiềm năng.

**(B) Actors.**

Diễn viên.

**(C) Housewives.**

Bà nội trợ

**(D) University students.**

Sinh viên đại học.



- Nghe băng:



**Q77: Who most likely is the speaker?**

Người nói rất có thể là ai?

**(A) A scholar.**

Học giả.

**(B) A producer.**

Nhà sản xuất.

**(C) A pilot.**

Phi công.

**(D) A programmer.**

Lập trình viên

**Q78: Who are the listeners?**

Người nghe là những ai?

**(A) Potential investors.**

Nhà đầu tư tiềm năng.

**(B) Actors.**

Diễn viên.

**(C) Housewives.**

Bà nội trợ

**(D) University students.**

Sinh viên đại học.

- Chọn đáp án:

Good morning, everyone. Welcome to a test screening of our pilot for a new daytime sitcom entitled Once Upon a Romance. Your participation in this focus group is essential for assessing audience reception. **This television show is meant to appeal to middle-aged housewives, and that is why you have all been selected.**

**Q78: Who are the listeners?**

Người nghe là những ai?

**(A) Potential investors.**

Nhà đầu tư tiềm năng.

**(B) Actors.**

Diễn viên.

**(C) Housewives.**

Bà nội trợ

**(D) University students.**

Sinh viên đại học.

- Chọn đáp án:

Good morning, everyone. Welcome to a test screening of our pilot for a new daytime sitcom entitled Once Upon a Romance. Your participation in this focus group is essential for assessing audience reception. **This television show is meant to appeal to middle-aged housewives, and that is why you have all been selected.**

**Q78: Who are the listeners?**

Người nghe là những ai?

**(A) Potential investors.**

Nhà đầu tư tiềm năng.

**(B) Actors.**

Diễn viên.

**(C) Housewives.**

Bà nội trợ

**(D) University students.**

Sinh viên đại học.

- Câu hỏi về nơi làm việc:

**Q: Where most likely does the speaker work?**

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

**(A) At a theater.**

Ở một rạp hát.

**(B) At a car dealership.**

Ở một đại lý oto.

**(C) At a retail store.**

Ở một cửa hàng bán lẻ.

**(D) At a library.**

Ở một thư viện.

- Đọc câu hỏi:

**Q: Where most likely does the speaker work?** => Câu hỏi danh tính

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

=> Câu đầu tiên => thông tin ở phần đầu

**(A) At a theater.**

Ở một rạp hát.

**(B) At a car dealership.**

Ở một đại lý ô tô.

**(C) At a retail store.**

Ở một cửa hàng bán lẻ.

**(D) At a library.**

Ở một thư viện.

- Nghe băng:



**Q: Where most likely does the speaker work?**

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

**(A) At a theater.**

Ở một rạp hát.

**(B) At a car dealership.**

Ở một đại lý ô tô.

**(C) At a retail store.**

Ở một cửa hàng bán lẻ.

**(D) At a library.**

Ở một thư viện.

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

**Amy, it is your responsibility to check that the store is clean and well-stocked for customers before we open for the day.**

Most importantly, I would like you to make sure that the proper price tags are displayed in front of their corresponding products.

**Q: Where most likely does the speaker work?**

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

**(A) At a theater.**

Ở một rạp hát.

**(B) At a car dealership.**

Ở một đại lý ô tô.

**(C) At a retail store.**

Ở một cửa hàng bán lẻ.

**(D) At a library.**

Ở một thư viện.

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Amy, it is your responsibility to check that the store is clean and well-stocked for customers before we open for the day.

Most importantly, I would like you to make sure that the proper **price tags** are displayed in front of their corresponding **products**.

**Q: Where most likely does the speaker work?**

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

**(A) At a theater.**

Ở một rạp hát.

**(B) At a car dealership.**

Ở một đại lý ô tô.

**(C) At a retail store.**

Ở một cửa hàng bán lẻ.

**(D) At a library.**

Ở một thư viện.



- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Amy, it is your responsibility to check that the store is clean and well-stocked for customers before we open for the day.

Most importantly, I would like you to make sure that the proper **price tags** are displayed in front of their corresponding **products**.

**Q: Where most likely does the speaker work?**

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

**(A) At a theater.**

Ở một rạp hát.

**(B) At a car dealership.**

Ở một đại lý ô tô.

**(C) At a retail store.**

Ở một cửa hàng bán lẻ.

**(D) At a library.**

Ở một thư viện.

## 2.2. Câu hỏi về địa điểm

**Q: Where is the speech being given?**

Bài diễn văn được nói ở đâu?

**(A) At a training session**

Một buổi đào tạo

**(B) At a press conference**

Một họp báo

**(C) At a job fair**

Một hội chợ việc làm

**(D) At a store grand opening**

Một buổi khai trương cửa hàng

- Đọc câu hỏi:

**Q: Where is the speech being given?** => Câu hỏi về địa điểm

Bài diễn văn được nói ở đâu?

=> Câu đầu tiên => thông tin ở phần đầu

**(A) At a training session**

Một buổi đào tạo

**(B) At a press conference**

Một họp báo

**(C) At a job fair**

Một hội chợ việc làm

**(D) At a store grand opening**

Một buổi khai trương cửa hàng

- Nghe băng:



**Q: Where is the speech being given?**

Bài diễn văn được nói ở đâu?

**(A) At a training session**

Một buổi đào tạo

**(B) At a press conference**

Một họp báo

**(C) At a job fair**

Một hội chợ việc làm

**(D) At a store grand opening**

Một buổi khai trương cửa hàng

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Hello everyone. **Thanks for coming to this press conference.**

**Q: Where is the speech being given?**

Bài diễn văn được nói ở đâu?

**(A) At a training session**

Một buổi đào tạo

**(B) At a press conference**

Một họp báo

**(C) At a job fair**

Một hội chợ việc làm

**(D) At a store grand opening**

Một buổi khai trương cửa hàng

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Hello everyone. **Thanks for coming to this press conference.**

**Q: Where is the speech being given?**

Bài diễn văn được nói ở đâu?

**(A) At a training session**

Một buổi đào tạo

**(B) At a press conference**

Một họp báo

**(C) At a job fair**

Một hội chợ việc làm

**(D) At a store grand opening**

Một buổi khai trương cửa hàng